

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 76/2006/QĐ-UBND

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 5 năm 2006*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về giao chỉ tiêu thu Quỹ phòng, chống lụt, bão đối với các  
doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố năm 2006**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 20 tháng 5 năm 1998 (Điều 46); Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão ngày 08 tháng 3 năm 1993 và Pháp lệnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Pháp lệnh Phòng, chống lụt, bão ngày 24 tháng 8 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 50/CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ ban hành Quy chế về thành lập và hoạt động của Quỹ phòng, chống lụt, bão địa phương;

Căn cứ Quyết định số 166/2003/QĐ-UB ngày 10 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành quy định về công tác phòng, chống lụt bão, giảm nhẹ thiên tai - tìm kiếm cứu nạn tại thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Thường trực Ban chỉ huy Phòng, chống lụt bão thành phố tại Tờ trình số 11/TTr-PCLB ngày 07 tháng 3 năm 2006; ý kiến của Sở Tư pháp thành phố tại công văn số 1593/STP-VB ngày 11 tháng 5 năm 2006;

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Điều 1.** Nay giao chỉ tiêu thu Quỹ phòng, chống lụt, bão năm 2006 cho các quận, huyện và Văn phòng Thường trực Ban chỉ huy Phòng, chống lụt bão thành phố đối với các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố (đính kèm Bảng tổng hợp giao chỉ tiêu thu Quỹ phòng, chống lụt, bão năm 2006 đối với đối tượng doanh nghiệp trong và ngoài nước).

**Điều 2.** Các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh có trách nhiệm nộp hai phần vạn (2/10.000) trên tổng số vốn sản xuất - kinh doanh của doanh nghiệp nhưng không quá 5.000.000 (năm triệu) đồng và được hạch toán vào giá thành sản phẩm hoặc phí lưu thông để nộp vào Quỹ phòng, chống lụt, bão (theo điểm 2, Điều 9, Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 50/CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ). Giao Thường trực Ban chỉ huy Phòng, chống lụt bão thành phố phát hành danh sách các Doanh nghiệp trên địa bàn thành phố.

**Điều 3.** Các trường hợp được miễn, tạm hoãn đóng góp Quỹ phòng, chống lụt, bão thực hiện theo quy định tại điểm g, khoản 1 và điểm b, khoản 2, Điều 7, Chương II, Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 50/CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ và của thành phố (tại Điều 4) như sau :

1. Các đối tượng được miễn đóng góp : các doanh nghiệp công ích và các hợp tác xã nông nghiệp;

2. Đối tượng được tạm hoãn đóng góp : các doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế được miễn, giảm thuế doanh thu (nay là thuế giá trị gia tăng). Thực hiện theo Văn bản hướng dẫn số 427/PCLB ngày 19 tháng 9 năm 2001 của Cục Phòng chống lụt bão và Quản lý đê điều (nay là Cục Quản lý đê điều và Phòng chống lụt bão) và Văn bản số 4590/UB-CNN ngày 14 tháng 12 năm 2001 của Ủy ban nhân dân thành phố;

3. Các đối tượng doanh nghiệp trong quá trình hoạt động kinh doanh bị thua lỗ xin điều chỉnh (giảm) chi tiêu nộp Quỹ phòng, chống lụt, bão, căn cứ Luật Kế toán ngày 17 tháng 6 năm 2003 doanh nghiệp đó phải nộp báo cáo tài chính năm có kiểm toán cho cơ quan thu để trình cơ quan quy định ở Điều 4 quyết định này xem xét và quyết định.

**Điều 4.** Các trường hợp doanh nghiệp xin điều chỉnh mức thu và tạm hoãn đóng góp Quỹ phòng, chống lụt, bão (theo danh mục ở Điều 1) do bị thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, doanh nghiệp được cấp bù vốn hoạt động từ ngân sách, doanh nghiệp đã điều chỉnh (tăng - giảm) tổng vốn sản xuất - kinh doanh và các doanh nghiệp khác phân công trách nhiệm và ủy quyền như sau :

1. Đối với doanh nghiệp do Văn phòng Thường trực Ban chỉ huy phòng, chống lụt bão thành phố (Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão) phụ trách thu; giao Thường trực Ban chỉ huy phòng chống lụt bão thành phố chủ trì phối hợp với Cục Thuế thành phố xem xét, quyết định;

2. Đối với doanh nghiệp do quận - huyện phụ trách thu; ủy quyền cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chủ trì phối hợp với Cục Thuế thành phố xem xét, quyết định.

**Điều 5.** Trách nhiệm thu - nộp và phân bổ Quỹ phòng, chống lụt, bão :

1. Giao Ủy ban nhân dân các quận - huyện thu tiền đóng góp Quỹ phòng, chống lụt, bão của các Doanh nghiệp tư nhân, Công ty Trách nhiệm hữu hạn (vốn đầu tư trong nước), Hợp tác xã và tổng số tiền thu được phân bổ như sau :

a) Trích 5% trên tổng số thu để trả thù lao cho người, đơn vị trực tiếp thu;

b) 95% còn lại (quy thành 100%) được phân bổ như sau :

+ 40% nộp vào Quỹ phòng, chống lụt, bão quận - huyện (nơi doanh nghiệp đóng trụ sở);

+ 60% nộp về Quỹ phòng, chống lụt, bão thành phố, số tài khoản : 942.90.00.00003 tại Kho bạc Nhà nước thành phố, đơn vị nhận : Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão thành phố (thuộc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố).

2. Giao Văn phòng Thường trực Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố thu tiền đóng góp Quỹ phòng, chống lụt, bão của Công ty cổ phần, Doanh nghiệp nhà nước, Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả Công ty trách nhiệm hữu hạn) và tổng số tiền thu được phân bổ như sau :

a) Trích 5% trên tổng số thu để trả thù lao cho người, đơn vị trực tiếp thu;

b) 95% còn lại nộp vào Quỹ phòng, chống lụt, bão thành phố.

3. Về tài chính, kế toán :

Tổ chức, cá nhân thu Quỹ phòng, chống lụt, bão phải thực hiện chế độ kế toán; định kỳ báo cáo quyết toán thu - nộp, sử dụng Quỹ phòng, chống lụt, bão; thực hiện chế độ công khai tài chính theo quy định của pháp luật. Quy định cụ thể về chế độ báo cáo : báo cáo thu - nộp Quỹ trong 6 tháng và 9 tháng; báo cáo quyết toán thu - nộp, sử dụng Quỹ năm 2006.

**Điều 6.** Quy chế thực hiện, phân công phối hợp, trách nhiệm và thời gian hoàn thành :

1. Việc thu Quỹ phòng, chống lụt, bão phải thực hiện Quy chế công khai tài chính kèm theo Quyết định số 192/2004/QĐ-TTg ngày 16 tháng 11 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ, Thông tư hướng dẫn số 03/2005/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2005 của Bộ Tài chính và thông báo công khai cho các doanh nghiệp biết. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, Chánh Văn phòng Ban chỉ huy Phòng chống

lục bảo thành phố chịu trách nhiệm tổ chức thu đúng và thu đủ, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện đóng góp của các doanh nghiệp vào Quỹ phòng, chống lụt, bão (theo phân công ở Điều 5); kết quả thu và quản lý, sử dụng Quỹ phòng, chống lụt, bão phải báo cáo về Thường trực Ủy ban nhân dân thành phố và Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố;

**2.** Giao Sở Tài chính thành phố chủ trì phối hợp với Thường trực Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố (Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) hướng dẫn, theo dõi, quản lý, kiểm tra tình hình thu và sử dụng Quỹ phòng, chống lụt, bão theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước;

**3.** Sở Tài chính thành phố : in và quản lý việc phát hành biên lai thu tiền theo mẫu thống nhất của Bộ Tài chính để thu tiền Quỹ phòng, chống lụt, bão; chỉ đạo các phòng Tài chính - Kế hoạch các quận - huyện thực hiện thu - nộp, sử dụng và lập báo cáo về Quỹ phòng, chống lụt, bão quy định tại điểm 5.3, Điều 5 quyết định này; thực hiện trách nhiệm được phân công tại điểm 3.15, Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 166/2003/QĐ-UB ngày 10 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố;

**4.** Quá trình tổ chức thu, Văn phòng Thường trực Ban (Chi cục Thủy lợi và Phòng chống lụt bão) và Ủy ban nhân dân các quận - huyện có trách nhiệm thống kê, lập danh sách các trường hợp không thu được ngoài các trường hợp đã quy định ở Điều 4 và điểm 7.2, Điều 7 quyết định này liên hệ trực tiếp với Cục Thuế thành phố, Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố phối hợp xem xét, giải quyết. Ủy ban nhân dân các quận - huyện thống kê doanh nghiệp không thu được Quỹ (do đã giải thể, chuyển đổi địa chỉ, không tồn tại trên thực tế) và báo cáo về Văn phòng Thường trực Ban trước ngày 30 tháng 9 năm 2006; thống kê doanh nghiệp đang hoạt động nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ nộp Quỹ Phòng, chống lụt, bão và báo cáo về Văn phòng Thường trực Ban trước ngày 31 tháng 01 năm 2007;

**5.** Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố và Cục Thuế thành phố phối hợp thực hiện trách nhiệm được phân công tại điểm 3.8 và điểm 3.14, Điều 3 Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 166/2003/QĐ-UB ngày 10 tháng 9 năm 2003 của Ủy ban nhân dân thành phố;

**6.** Thời gian thực hiện và hoàn thành việc thu - nộp Quỹ phòng, chống lụt, bão trong năm 2006 (riêng quyết toán chậm nhất là đến ngày 31 tháng 3 năm 2007).

**Điều 7.** Khen thưởng, xử lý vi phạm và xử phạt vi phạm hành chính :

1. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc xây dựng, quản lý và đóng góp Quỹ phòng, chống lụt, bão được khen thưởng theo chế độ quy định của Nhà nước;

2. Doanh nghiệp không nộp hoặc không nộp đủ nghĩa vụ đóng góp vào Quỹ phòng, chống lụt, bão theo quy định sẽ xử lý theo Điều 17, Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 50/CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ. Thành phố quy định cụ thể như sau : sau ngày 15 tháng 11 năm 2006 cho phép Thường trực Ban chỉ huy Phòng chống lụt bão thành phố và Ủy ban nhân dân các quận - huyện đề nghị cơ quan ngân hàng cắt chuyển kinh phí từ tài khoản của doanh nghiệp không nộp hoặc không nộp đủ Quỹ vào tài khoản Quỹ phòng, chống lụt, bão thành phố hoặc quận - huyện;

3. Người được giao nhiệm vụ thu - nộp, quản lý và sử dụng Quỹ phòng, chống lụt, bão vi phạm các quy định của Nghị định số 50/CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật có liên quan thì tùy theo tính chất và mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;

4. Về xử phạt vi phạm hành chính thực hiện theo Điều 17 Quy chế ban hành kèm theo Nghị định số 50/CP ngày 10 tháng 5 năm 1997 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

**Điều 8.** Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

**Điều 9.** Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thành phố, Giám đốc Sở Tài chính thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố, Cục trưởng Cục Thuế thành phố, Chánh Văn phòng Ban chỉ huy Phòng, chống lụt bão thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện, phường - xã, thị trấn, Trưởng Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp thành phố và Giám đốc các doanh nghiệp đóng trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH/THƯỜNG TRỰC**

**Nguyễn Thiện Nhân**

**BẢNG TỔNG HỢP GIAO CHỈ TIÊU THU QUỸ PCLB NĂM 2006**  
(Kèm theo Quyết định số 76/2006/QĐ-UBND ngày 19 tháng 5 năm 2006 của Ủy ban nhân dân thành phố)

Quận-Huyện	Công ty TNHH (vốn trong nước), DNTN, HTX (Giao cho quận-huyện)					Công ty cổ phần, DN nhà nước, DN nước ngoài (Giao cho VP Thường trực Ban chỉ huy PCLB TP)				Tổng số thu-nộp Quỹ năm 2006 đối với đối tượng doanh nghiệp sau khi trích thù lao	
	TS doanh nghiệp	Chỉ tiêu thu Quỹ (quy ra VND)	Trích 5% trả thù lao cho đơn vị thu	95% quy thành 100%		TS doanh nghiệp	Chỉ tiêu thu Quỹ (quy ra VND)	Trích 5% trả thù lao cho đơn vị thu	95% nộp vào Quỹ PCLB thành phố	Quỹ PCLB quận-huyện	Quỹ PCLB thành phố
				40% để lại Quỹ PCLB quận-huyện	60% nộp về Quỹ PCLB thành phố						
Quận 1	4,069	1,406,981,000	70,349,050	534,652,780	801,979,170	947	2,020,018,000	101,000,900	1,919,017,100	534,652,780	2,720,996,270
Quận 2	617	217,218,000	10,860,900	82,542,840	123,814,260	90	188,192,000	9,409,600	178,782,400	82,542,840	302,596,660
Quận 3	2,119	700,892,000	35,044,600	266,338,960	399,508,440	398	716,254,000	35,812,700	680,441,300	266,338,960	1,079,949,740
Quận 4	654	153,552,000	7,677,600	58,349,760	87,524,640	115	190,192,000	9,509,600	180,682,400	58,349,760	268,207,040
Quận 5	1,877	601,896,000	30,094,800	228,720,480	343,080,720	151	274,256,000	13,712,800	260,543,200	228,720,480	603,623,920
Quận 6	1,261	355,991,000	17,799,550	135,276,580	202,914,870	80	141,998,000	7,099,900	134,898,100	135,276,580	337,812,970
Quận 7	1,097	362,145,000	18,107,250	137,615,100	206,422,650	243	711,871,000	35,593,550	676,277,450	137,615,100	882,700,100
Quận 8	957	264,259,000	13,212,950	100,418,420	150,627,630	80	148,676,000	7,433,800	141,242,200	100,418,420	291,869,830
Quận 9	662	164,735,000	8,236,750	62,599,300	93,898,950	104	212,338,000	10,616,900	201,721,100	62,599,300	295,620,050
Quận 10	2,081	566,487,000	28,324,350	215,265,060	322,897,590	182	248,561,000	12,428,050	236,132,950	215,265,060	559,030,540
Quận 11	1,349	429,484,000	21,474,200	163,203,920	244,805,880	87	155,078,000	7,753,900	147,324,100	163,203,920	392,129,980
Quận 12	1,039	356,856,000	17,842,800	135,605,280	203,407,920	160	280,009,000	14,000,450	266,008,550	135,605,280	469,416,470
Q.Bình Tân	1,818	825,516,000	41,275,800	313,696,080	470,544,120	228	518,291,000	25,914,550	492,376,450	313,696,080	962,920,570
Q.Bình Thạnh	3,047	796,531,000	39,826,550	302,681,780	454,022,670	404	550,720,000	27,536,000	523,184,000	302,681,780	977,206,670
Q.Gò Vấp	2,633	562,894,000	28,144,700	213,899,720	320,849,580	202	237,501,000	11,875,050	225,625,950	213,899,720	546,475,530
Q.Phú Nhuận	1,791	393,846,000	19,692,300	149,661,480	224,492,220	219	265,542,000	13,277,100	252,264,900	149,661,480	476,757,120
Q.Tân Bình	4,360	1,220,796,000	61,039,800	463,902,480	695,853,720	451	615,085,000	30,754,250	584,330,750	463,902,480	1,280,184,470
Q.Tân Phú	2,174	608,572,000	30,428,600	231,257,360	346,886,040	199	335,766,000	16,788,300	318,977,700	231,257,360	665,863,740
Q.Thủ Đức	913	276,173,000	13,808,650	104,945,740	157,418,610	207	556,079,000	27,803,950	528,275,050	104,945,740	685,693,660
H.Bình Chánh	931	457,151,000	22,857,550	173,717,380	260,576,070	110	210,003,000	10,500,150	199,502,850	173,717,380	460,078,920
H.Cần Giờ	61	17,345,000	867,250	6,591,100	9,886,650	3	4,400,000	220,000	4,180,000	6,591,100	14,066,650
H.Củ Chi	450	146,335,000	7,316,750	55,607,300	83,410,950	86	235,062,000	11,753,100	223,308,900	55,607,300	306,719,850
H.Hóc Môn	531	186,514,000	9,325,700	70,875,320	106,312,980	61	123,307,000	6,165,350	117,141,650	70,875,320	223,454,630
H.Nhà Bè	185	72,607,000	3,630,350	27,590,660	41,385,990	15	38,725,000	1,936,250	36,788,750	27,590,660	78,174,740
<b>Tổng cộng</b>	<b>36,676</b>	<b>11,144,776,000</b>	<b>557,238,800</b>	<b>4,235,014,880</b>	<b>6,352,522,320</b>	<b>4,822</b>	<b>8,977,924,000</b>	<b>448,896,200</b>	<b>8,529,027,800</b>	<b>4,235,014,880</b>	<b>14,881,550,120</b>

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**